| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT

Ngày: 26/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hồng Sơn.

Bà Trần Thị Thúy Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa***:*** Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐPT-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa c đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng A. (gọi tắt là A.). Địa chỉ trụ sở: Số 02, đường H., phường C., quận B., Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Tiết Văn T. là Tổng Giám đốc A..

*Người đại diện theo ủy quyền*:

- Ông Phan Hữu H. – Giám đốc A. Chi nhánh thành phố X. (theo Quyết định số 2965/QĐ-NHN$_0$-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của A.).

- Ông Nguyễn Chí Tr. – Phó Giám đốc A. Chi nhánh thành phố X. (Theo Văn bản ủy quyền số 239/UQ-NHNo.LX, ngày 01/6/2022 của Giám đốc A. Chi nhánh thành phố X.).

Địa chỉ: Số 42-44-46, đường Hai Bà Trưng, phường L., thành phố X., tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ K., sinh năm 1966 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Thị Mỹ K.. Nơi cư trú: Số 19/9H, Trần Hưng Đạo, khóm T., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mỹ K.:* Ông Đinh Bá Tr1. là Luật sư Công ty luật TNHH V. thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 101 đường 2, khu nhà ở Ph. 1, phường H., thành phố Đ., Thành phố Hồ Chí Minh

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Ngọc Th., sinh năm 1940 (chết ngày 10/12/2021)

Ông Nguyễn Minh Đ., sinh năm 1936 (chết ngày 07/3/2018).

*Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Ngọc Th. và ông Nguyễn Minh Đ.:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L., sinh năm 1961; Nơi cư trú: Số 8/1, khóm M., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang.

3.2. Ông Nguyễn Minh Kh., sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 19/9E, khóm T., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Mỹ K., sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số 19/9E, khóm T., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang.

3.4. Bà Nguyễn Thị Khánh L1., sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 67, đường Trần Hưng Đạo, khóm 5, phường X1., thành phố X., tỉnh An Giang.

3.5. Bà Nguyễn Thị Kim Ch.; Nơi cư trú: Số 6, đường Hùng Vương, khóm 2, phường L2., thành phố X., tỉnh An Giang.

3.6. Bà Nguyễn Thị Mỹ N.; Nơi cư trú: Số 8/1, khóm M., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang.

3.7. Ông Nguyễn Minh Th1.; Nơi đăng HKTT: Số 06, đường Hùng Vương, khóm 2, phường l2., thành phố X., tỉnh An Giang; Nơi cư trú: 154 C. L. M. QLP 4280 Australia.

*4. Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Mỹ K. – Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. và bà Nguyễn Thị Mỹ L..

*(Ông Nguyễn Chí Tr., bà Nguyễn Thị Mỹ K. và bà Nguyễn Thị Mỹ L. có mặt tại phiên tòa – Luật sư Đinh Bá Tr1. có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng A. (gọi tắt là A.) do ông Nguyễn Chí Tr. là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào ngày 07/09/2015, A. có cho Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Nguyễn Thị Mỹ K. do bà Nguyễn Thị Mỹ K. làm Chủ doanh nghiệp vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 914/HĐTD. Theo đó, DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. được A. cấp tín dụng tối đa là 14.000.000.000 đồng *(mười bốn tỷ đồng)*; mức lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm; hạn trả cuối cùng là ngày 07/9/2016; mục đích vay chăn nuôi cá tra. Để đảm bảo khoản vay, bà K. cùng cha mẹ ruột của bà là ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th. đã ký kết với A. 02 (hai) Hợp đồng thế chấp tài sản, gồm:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 538B/HĐTC được Văn phòng công chứng X. chứng nhận ngày 20/08/2014; tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất LUA + TLO có diện tích = 10.502,0m$^2$ *(mười ngàn năm trăm lẻ hai mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 740; 744; 745; 750; 751; 752; tờ bản đồ địa chính số 04; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số H02826hA, ngày 15/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Mỹ K..

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 538A/HĐTC được Văn phòng công chứng X. chứng nhận ngày 20/08/2014; tài sản bảo đảm là 09 *(chín)* Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất ODT và CLN có tổng diện tích = 2.041,7m$^2$ *(hai ngàn không trăm bốn mươi mốt phẩy bảy mét vuông)*; trong đó diện tích ODT = 1.940m$^2$; diện tích CLN = 101,7 m$^2$ CLN; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 26; tờ bản đồ địa chính số 23; tại đường Trần Hưng Đạo, khóm Q1., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.025061A, ngày 31/12/2008 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất 2L có diện tích = 5.670m$^2$ *(năm ngàn sáu trăm bảy mươi mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 678; 679; 680; 681; tờ bản đồ địa chính số 01; tại phường P. (nay là phường Q.), thị xã X. (nay là thành phố X.), tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X. cấp Giấy CNQSDĐ số 01044QSDĐ/eA, ngày 03/9/1996 cho ông Nguyễn Minh Đ.;

- Quyền sử dụng đất T + 2L có tổng diện tích = 5.678,00m$^2$ *(năm ngàn sáu trăm bảy mươi tám mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 682; 684; 1099; 1100; tờ bản đồ địa chính số 001; tại phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số 00988QSDĐ/lA, ngày 24/01/2003 cho ông Nguyễn Minh Đ.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 864,0m$^2$ *(tám trăm sáu mươi bốn*

*mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 760; tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02623hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất CLN có diện tích = 9.625,0m$^2$ *(chín ngàn sáu trăm hai mươi lăm mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 759, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02622hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 2.134,0m$^2$ *(hai ngàn một trăm ba mươi bốn mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 758, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02621hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 1.198m$^2$ *(một ngàn một trăm chín mươi tám mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 757, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02620hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất CLN có diện tích = 9.412,0m$^2$ *(chín ngàn bốn trăm mười hai mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 756, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02619hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 1.872,0m$^2$ *(một ngàn tám trăm bảy mươi hai mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 755, tờ bản đồ địa chính số 4, tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02618hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

Sau khi vay, mặc dù bà K. có trả vốn và lãi nhưng không đầy đủ và không đúng theo thỏa thuận đã được các bên ký kết, mặc cho A. đã nhiều lần gia hạn và tạo điều kiện trả nợ nhưng bà K. vẫn không thực hiện; do vậy, ngày 19/7/2017, A. có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ K. có trách nhiệm trả cho A. số tiền vay còn nợ cả vốn và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 914/HĐTD ngày 07/09/2015 tính đến ngày 17/07/2017 tổng cộng là 13.414.312.724 đồng *(mười ba tỷ bốn trăm mười bốn triệu ba trăm mười hai nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng)*; trong đó vốn gốc là 12.249.806.000 đồng *(mười hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng)* và lãi phát sinh là 1.164.506.724 đồng *(một tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng)*.

- Buộc bà K. tiếp tục có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín

dụng hạn mức số: 914/HĐTD, ngày 07/09/2015 cho đến khi trả dứt điểm số nợ.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 538A/HĐTC, ngày 20/8/2014 giữa A. với ông Nguyễn Minh Đ., bà Nguyễn Ngọc Th. và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 538B/HĐTC, ngày 20/08/2014 giữa A. với bà K. để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ K.* đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại Đơn xin gia hạn nộp tờ tự khai ngày 14/8/2017; Đơn khiếu nại ngày 06/11/2017 và Đơn xin hoãn về việc thực hiện thủ tục thẩm định đo đạc, định giá tài sản tranh chấp ngày 07/11/2017, bà K. xác định bà còn nợ A. theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 914/HĐTD, ngày 07/09/2015 tính đến ngày 28/6/2017 vốn gốc là 12.249.806.000 đồng *(mười hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng)*. Tuy nhiên, bà không đồng ý việc khởi kiện của A. bởi sau khi bà đã thanh toán được số tiền vốn gốc là 1.770.000.000 đồng *(một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng)* thì A. không giải chấp diện tích đất thế chấp 10.000m$^2$ để doanh nghiệp của bà bán tài sản thanh toán nợ theo thỏa thuận. Ngoài ra, doanh nghiệp của bà đã có đơn yêu cầu người có thẩm quyền của A. cho gia hạn thời hạn trả nợ theo lịch trong thời hạn 2,5 năm *(từ tháng 12/2017 đến tháng 6/2020)* nhưng chưa được A. giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố X. đã triệu tập bà K. đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà K. vắng mặt, không rõ lý do.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc Th.* đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Th. đã được Tòa án nhân dân thành phố X. triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Th. vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

*Tại Biên bản về việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, ghi nhận hiện trạng tài sản thế chấp và tài sản khác gắn liền với đất; người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh Đ. là bà Nguyễn Thị Kim Ch. trình bày:* Trong quá trình thế chấp tài sản giữa bà K. với A. và giữa ông Đ., bà Th. với A. thông qua các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 538A/HĐTC và số 538B/HĐTC cùng ngày 20/08/2014. Trong đó có thể hiện cụ thể các Giấy CNQSDĐ đính kèm, các hợp đồng trên được Văn phòng công chứng X. chứng nhận cùng ngày 20/08/2014. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố X. căn cứ vào diện tích của các Giấy CNQSDĐ nêu trên để xem xét, giải quyết. Bên cạnh đó, do các khu đất đã được Nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ, bà cho rằng phần diện tích của những Giấy CNQSDĐ đã được cấp thì hiện trạng không thay đổi, do vậy bà không thống nhất việc đo đạc, xác định lại diện tích đất.

***Tại phiên tòa sơ thẩm,***

*Bà Nguyễn Thị Mỹ L. người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà với ông Nguyễn Minh Kh., bà Nguyễn Thị Mỹ K., bà Nguyễn Thị Khánh L1., bà Nguyễn Thị Kim Ch., bà Nguyễn Thị Mỹ N. và ông Nguyễn Minh Th1. đều là con ruột của ông Nguyễn Minh Đ. (chết ngày 07/3/2018) với bà Nguyễn Ngọc Th.. Ông Đ., bà Th. không có con riêng, không có con nuôi; cha mẹ của ông Đ., bà Th. đều đã chết.

Bà và các anh chị em đều biết việc khi còn sống, ông Đ. có cùng bà Th. ký kết với A. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 538A/HĐTC được Văn phòng công chứng X. chứng nhận ngày 20/08/2014 để thế chấp cho A. 09 *(chín)* Quyền sử dụng đất hoàn toàn đúng như người đại diện hợp pháp của A. trình bày. Bà không có tranh chấp vấn đề gì trong vụ kiện này; đối với số nợ của bà K. thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra thì bà còn biết việc em ruột của bà là ông Nguyễn Minh Th1. đã sang Úc từ năm 2015 đến nay; còn địa chỉ cụ thể của ông Th1. tại Úc thì bà không biết. Việc bà K. vay tiền tại A. thì ông Th1. có biết, đồng thời ông Th1. còn biết việc anh chị bàn bạc bán phần đất của ông Đ., bà Th. để trả nợ thay cho bà K. nhưng không phản đối hay tranh chấp đối với phần thừa kế di sản của ông Đ..

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ còn lại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Minh Kh., Nguyễn Thị Khánh L1., Nguyễn Thị Mỹ N. và Nguyễn Minh Th1.* đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tham gia tố tụng nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các ông, bà: Kh., Khánh L1., N., Th1. đã được Tòa án nhân dân thành phố X. triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố X. tuyên xử:*

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 khoản 3 Điều 39, khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 74, Điều 143, khoản 1 Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 259, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 613, Điều 615 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. (A.). Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ K. là Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. thanh toán cho A. số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2020 theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 914/HĐTD, ngày 07/09/2015 tổng cộng là 17.336.245.159 đồng *(Mười bảy tỷ*

*ba trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng)*. Trong đó: Vốn gốc là 12.249.806.000 đồng *(mười hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng)*; Lãi trong hạn là 3.882.397.901 đồng *(ba tỷ tám trăm tám mươi hai triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm lẻ một đồng)* và Lãi quá hạn là 1.204.042.069 đồng *(một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi chín đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Mỹ K. không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì A. có quyền làm Đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 538B/HĐTC được Văn phòng công chứng X. chứng nhận ngày 20/08/2014 gồm: Quyền sử dụng đất LUA + TLO có diện tích = 10.502,0m$^2$ *(mười ngàn năm trăm lẻ hai mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 740; 744; 745; 750; 751; 752; tờ bản đồ địa chính số 04; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số H02826hA, ngày 15/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Mỹ K..

Trường hợp tài sản thế chấp nêu trên của bà Nguyễn Thị Mỹ K. vẫn không đủ để A. thu hồi nợ thì các ông, bà: Nguyễn Ngọc Th., Nguyễn Thị Mỹ L., Nguyễn Minh Kh., Nguyễn Thị Mỹ K., Nguyễn Thị Khánh L1., Nguyễn Thị Kim Ch., Nguyễn Thị Mỹ N. và Nguyễn Minh Th1. phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th. đối với khoản nợ còn lại của bà Nguyễn Thị Mỹ K. trong phạm vi tài sản của ông Nguyễn Minh Đ., bà Nguyễn Ngọc Th. theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 538A/HĐTC được Văn phòng công chứng X. chứng nhận ngày 20/08/2014. Do đó, A. tiếp tục có quyền làm Đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất ODT và CLN có tổng diện tích = 2.041,7m$^2$ *(hai ngàn không trăm bốn mươi mốt phẩy bảy mét vuông)*; trong đó diện tích ODT = 1.940m$^2$; diện tích CLN = 101,7 m$^2$ CLN; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 26; tờ bản đồ địa chính số 23; tại đường Trần Hưng Đạo, khóm Q1., phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.025061A, ngày 31/12/2008 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất 2L có diện tích = 5.670m$^2$ *(năm ngàn sáu trăm bảy*

*mươi mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 678; 679; 680; 681; tờ bản đồ địa chính số 01; tại phường P. (nay là phường Q.), thị xã X. (nay là thành phố X.), tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số 01044QSDĐ/eA, ngày 03/9/1996 cho ông Nguyễn Minh Đ.;

- Quyền sử dụng đất T + 2L có tổng diện tích = 5.678,00m$^2$ *(năm ngàn sáu trăm bảy mươi tám mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 682; 684; 1099; 1100; tờ bản đồ địa chính số 001; tại phường Q., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số 00988QSDĐ/lA, ngày 24/01/2003 cho ông Nguyễn Minh Đ.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 864,0m$^2$ *(tám trăm sáu mươi bốn mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 760; tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02623hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất CLN có diện tích = 9.625,0m$^2$ *(chín ngàn sáu trăm hai mươi lăm mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 759, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02622hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 2.134,0m$^2$ *(hai ngàn một trăm ba mươi bốn mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 758, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02621hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 1.198m$^2$ *(một ngàn một trăm chín mươi tám mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 757, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02620hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất CLN có diện tích = 9.412,0m$^2$ *(chín ngàn bốn trăm mười hai mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 756, tờ bản đồ địa chính số 4; tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02619hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Quyền sử dụng đất HNK có diện tích = 1.872,0m$^2$ *(một ngàn tám trăm bảy mươi hai mét vuông)*; vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 755, tờ bản đồ địa chính số 4, tại phường Th., thành phố X., tỉnh An Giang; phần diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp Giấy CNQSDĐ số H.02618hA, ngày 16/01/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th.;

Trường hợp các tài sản bảo đảm vẫn không đủ để A. thu hồi nợ thì bà Nguyễn Thị Mỹ K. vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

A. có trách nhiệm giao trả cho các ông, bà: Nguyễn Thị Mỹ K., Nguyễn Ngọc Th., Nguyễn Thị Mỹ L., Nguyễn Minh Kh., Nguyễn Thị Khánh L1., Nguyễn Thị Kim Ch., Nguyễn Thị Mỹ N. và Nguyễn Minh Th1. các tài sản đảm bảo (nếu còn) khi bà Nguyễn Thị Mỹ K. đã thanh toán xong tất cả các khoản nợ

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2020 bà Nguyễn Thị Mỹ L. và ngày 11/9/2020 bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. cùng có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ nội dung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X..

***Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/4/2021:*** Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm các chứng cứ

- Biên bản xác minh, xem xét thẩm định hiện trạng đất ngày 11/5/2021;

- Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Mỹ K. ngày 30/3/2022 về việc xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Ngọc Th.;

- Bản sao giấy chứng tử bà Nguyễn Ngọc Th. (chết ngày 10/12/2021);

- Công văn số 25/ĐKKD-DNDD ngày 24/5/2022 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Công ty TNHH Mỹ L. như sau: Công ty TNHH Mỹ L. đăng ký lần đầu ngày 19/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/10/2013; hiện nay tình trạng pháp lý của Công ty là đang hoạt động (Kèm bản photo có dấu treo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Mỹ L. do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cung cấp).

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

*Ông Nguyễn Chí Tr. là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ K. – Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. có trách nhiệm trả cho A. số tiền vay còn nợ cả vốn và lãi tính đến ngày 17/07/2017 tổng cộng là 13.414.312.724 đồng và tiếp tục có nghĩa vụ trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt điểm số nợ; Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác giữa A. với ông Nguyễn Minh Đ., bà Nguyễn Ngọc Th. và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa A. với bà K. để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. trình bày*: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X. do vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án X. và đưa thiếu người tham gia tố tụng đang sống trên đất.

*Bà Nguyễn Thị Mỹ L. trình bày*: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X. do vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án X. và đưa thiếu người tham gia tố tụng đang sống trên đất.

*Luật sư Đinh Bá Tr1. là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mỹ K. trình bày*: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm. Lý do: Thứ nhất, Tòa án ấp sơ thẩm đã thụ lý sai thẩm quyền vì ông Nguyễn Minh Th1. là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th. đã đi Úc từ năm 2013 mà Tòa án sơ thẩm không chuyển hồ sơ đến Tòa án tỉnh giải quyết là sai. Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đến cùng nên đã không đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng; đưa thiếu Công ty TNHH Mỹ L. và những người đang sống trên đất như anh Lê Đức A1. là con của bà K.. Thứ ba, Tòa án sơ thẩm không đưa Văn phòng công chứng X. để kiểm tra, xác định tính chính xác của các hợp đồng thế chấp. Thứ tư, Tòa án sơ thẩm thực hiện thủ tục không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Th1. nhưng không xem xét, tống đạt các văn bản đúng quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: A. khởi kiện yêu cầu bà K. có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn gốc còn lại và lãi phát sinh, duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết là có cơ sở. Bản án sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X. chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A. là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, trên phần diện tích đất mà ông Nguyễn Minh Đ., bà Nguyễn Ngọc Th. thế chấp cho A. có trụ sở và cửa hàng trưng bày của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mỹ L., địa chỉ số 19/9E đường Trần Hưng Đạo, khóm T., phường Q., thành phố X. nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập, đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ., bà Th. là ông Nguyễn Minh Th1. đang cư trú tại địa chỉ số 154 C. L. N.  M. QLP 4280 Australia nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục xác minh, tống đạt theo đúng quy định pháp luật để làm căn cứ xét xử vụ án theo thẩm quyền (vụ án có yếu tố nước ngoài) để chuyển tỉnh giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ K. – chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị Mỹ L.. Hủy bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân

thành phố X.; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bà Nguyễn Thị Mỹ L. là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. kháng cáo và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Các đương sự kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

*[2] Về nội dung:*

[2.1] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng:

Ngày 07/9/2015, bà Nguyễn Thị Mỹ K. - chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 914/HĐTD với A. chi nhánh thành phố X., để vay số tiền 14.000.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi cá tra. Để đảm bảo khoản vay, bà K. cùng những người bảo lãnh là là ông Nguyễn Minh Đ. và bà Nguyễn Ngọc Th. (cha mẹ ruột của bà K.) đã ký kết với A. Chi nhánh thành phố X. 02 (hai) Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có đăng ký giao dịch bảo đảm và có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà K. chỉ thanh toán cho A. Chi nhánh thành phố X. được số tiền vốn gốc là 1.770.000.000 đồng thì ngưng không thực hiện, mặc dù A. Chi nhánh thành phố X. nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Do đó, A. khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn gốc còn lại, lãi phát sinh và duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết là có cơ sở. Bản án sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X. chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A. là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. và bà Nguyễn Thị Mỹ L. là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tiến hành xác minh, thẩm định các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và phát hiện trên phần diện tích đất mà ông Nguyễn Minh Đ., bà Nguyễn Ngọc Th. đã thế chấp cho A. Chi nhánh X. có con của bà Nguyễn Thị Mỹ K. là anh Lê Đức A1. và trụ sở, cửa hàng trưng bày của Công ty Trách nhiệm hữu hạn

Mỹ L., địa chỉ số 19/9E, đường Trần Hưng Đạo, khóm T., phường Q., thành phố X. được thành lập từ ngày 19/01/2007 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập, đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này.

Ngoài ra, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án do ông Đ. chết nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ. vào tham gia tố tụng trong đó có ông Nguyễn Minh Th1. là con của ông Đ.. Mặc dù ông Th1. còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam; tuy nhiên nơi cư trú hiện tại của ông Th1. là ở tại 154 C. L. N. M. QLP 4280 Australia nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông Th1. theo đúng quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để làm căn cứ xét xử vụ án hay chuyển Tòa án tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền đối với vụ án có yếu tố nước ngoài theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót và vi phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. và bà Nguyễn Thị Mỹ L. cũng như đề nghị của Kiểm sát viên, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố X.. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Do hủy án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. và bà Nguyễn Thị Mỹ L. không phải chịu án phí phúc thẩm

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. và bà Nguyễn Thị Mỹ L. là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố X..

3. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ K. - Chủ DNTN Nguyễn Thị Mỹ K. không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được nhận lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án đã nộp tại Biên lai thu số 0005160 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X., tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L. không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được nhận lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005128 ngày 10/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X., tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**